|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  Số: /BC-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách đối với dự án   
Luật Quản lý thuế (sửa đổi)**

# I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

## 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Luật Quản lý thuế được ban hành và triển khai thực hiện trong bối cảnh Cơ quan thuế đang từng bước thực hiện các chiến lược cải cách hiện đại hoá hệ thống thuế qua các giai đoạn: Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 732/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011; Chiến lược cải cách hiện đại hoá hệ thống thuế đến năm 2030 theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ với nội dung xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Quản lý thuế đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây và do sự biến động nhanh của nền kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 – 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau:

“*Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.*

*“.... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.*

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau*: “Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dư địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế....”*

Tại Nghị quyết số 101/2023/QH15 về kỳ họp thứ 5 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã đề ra nhiệm vụ:

Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan.

Văn kiện Đại hội XIII xác định, đến năm 2025 kinh tế số đạt tỷ trọng 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% GDP. Để đạt mục tiêu trên, Văn kiện cũng nhấn mạnh yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghệ 4.0; tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạnh hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số...

Trên cơ sở hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024 của ngành Thuế, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024 do cơ quan thuế quản lý đạt 1.732.800 tỷ đồng, bằng 116,5% dự toán (tương ứng vượt 245.588 tỷ), bằng 113,7% so với thực hiện năm 2023, góp phần để Chính phủ có thêm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, góp phần hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, hướng tới Đại hội XIV của Đảng.

Như vậy, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách mới như khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...; đồng thời nền kinh tế có nhiều biến động, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu cải cách thể chế một cách toàn diện, khơi thông các điểm nghẽn, góp phần vào việc phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế năm 2019.

## 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

**a) Mục tiêu chung**

- Đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng về cải cách, đổi mới công tác quản lý thuế đã được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển, tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

- Hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

- Xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025, động viên đầy đủ, kịp thời các nguồn thu tiềm năng, còn thất thu vào ngân sách nhà nước.

**b) Mục tiêu cụ thể**

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2023 - 2024, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV và các Nghị quyết, kết luận khác của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ.

- Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo vận hành thông suốt sau khi sắp xếp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho tổ chức bộ máy mới vận hành trơn tru sau khi sắp xếp tinh gọn, không được để khoảng trống ảnh hưởng tới việc phục vụ người dân, doanh nghiệp. Kịp thời nắm bắt các vướng mắc của người nộp thuế để giải đáp, tháo gỡ.

- Quan điểm xuyên suốt trong quá trình xây dựng Luật Quản lý thuế (sửa đổi) là đổi mới toàn diện hoạt động quản lý thuế nhằm xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, công tác quản lý thuế thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

- Khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật quản lý thuế; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật quản lý thuế và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và cấp ủy các cấp;Sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm góp phần phục vụ chiến lược hội nhập quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước đã đề ra; phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về thuế và chuẩn bị cơ sở pháp luật để phục vụ hội nhập trong giai đoạn tới.

- Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định nhằm cải cách thủ tục hành chính; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thuận tiện, thống nhất, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) toàn diện, áp dụng công nghệ hiện đại và phát triển các ứng dụng CNTT (Ứng dụng triệt để CSDL lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), máy học (ML),…) vào các khâu, các bước công tác quản lý thuế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, minh bạch hóa thông tin.

Để thực hiện các mục tiêu trên thì cần rà soát, sửa đổi tổng thể Luật Quản lý Thuế nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2025-2030, phát triển bền vững của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, tạo điều kiện cho NNT và bảo đảm công bằng minh bạch trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

# II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

## 1. Chính sách 1. Các chức năng quản lý thuế

### 1.1. Đánh giá tác động

#### 1.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật***

*Ưu điểm:*

Việc duy trì các quy định hiện hành sẽ góp phần đảm bảo sự ổn định về mặt pháp lý, và đảm bảo tính liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, tránh phát sinh chi phí thay đổi và thích ứng với quy định mới.

*Nhược điểm:*

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành sẽ dẫn đến chưa đồng bộ với chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, cụ thể là Nghị quyết 68/NQ-TW (2025) của Bộ Chính trị, trong đó yêu cầu xóa bỏ hình thức khoán thuế đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật khi từ ngày 01/01/2026 sẽ chính thức bỏ thuế khoán đối với hộ kinh doanh. Việc bỏ hình thức thuế khoán sẽ dẫn đến các nội dung về quản lý thuế theo chức năng cần có những sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình của các hộ kinh doanh, giúp các hộ kinh doanh dễ dàng tiếp cận các quy định và đảm bảo tuân thủ khi thực hiện theo hình thức kê khai.

Ngoài ra, việc giữ nguyên quy định về mã số thuế, đăng ký thuế có thể ảnh hưởng đến việc triển khai các yêu cầu mới từ việc tăng cường tự động hóa, chuyển đổi số, mở rộng đối tượng. Các quy định về nộp thuế, xử lý chậm nộp tiền thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa chưa bao quát được trường hợp gia hạn nộp thuế đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất được quy định tại các văn bản pháp luật về khoáng sản. Các quy định về khoanh tiền thuế nợ, xóa tiền thuế nợ không đồng bộ với những sửa đổi, bổ sung tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về đăng ký kinh doanh, thẩm quyền xóa nợ không phù hợp với các nội dung quy định của pháp luật về phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế.

Việc giữ nguyên quy định hiện hành còn tạo ra những khoảng trống pháp lý trong việc kiểm tra thuế đối với các giao dịch liên kết phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đã được Việt Nam áp dụng từ năm 2024 đối với các tập đoàn đa quốc gia có doanh thu từ 750 triệu Euro.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội:***

*Ưu điểm:*

Các quy định hiện hành tại Luật Quản lý thuế 2019 về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu quản lý hiện hành, tạo cơ sở cho người nộp thuế, cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện.

Trên cơ sở quy định tại Luật quản lý thuế năm 2019, cơ quan quản lý thuế đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, tăng cường hiệu quả công tác quản lý và hoàn thuế giá trị gia tăng; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế**.** Theo số liệu từ năm 2021 đến 6 tháng đầu năm 2025 (tính đến ngày 22/6/2025), tỷ lệ hoàn thuế GTGT điện tử đã tăng từ 96% lên 99%. Đối với thuế TNCN, từ 6 tháng cuối năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2025 (tính đến ngày 22/6/2025) thì tỷ lệ hoàn thuế điện tử đã tăng từ 0,2% lên 98.7%.

*Nhược điểm****:***

Về quy trình nộp thuế và ấn định thuế, bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, và đặc biệt là việc ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân.

Quy định về quản lý thuế khi xóa bỏ hình thức thuế khoán chưa được quy định, điều này gây khó khăn cho NNT khi thực hiện chuyển đổi.

Với quy mô và độ phức tạp ngày càng tăng của các giao dịch liên kết, việc không cải thiện năng lực kiểm tra sẽ làm tăng thất thu trong tương lai. Không tăng cường kiểm tra sẽ tạo ra bất công trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật và những doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở để trốn thuế thông qua chuyển giá. Với mục tiêu kinh tế số của Việt Nam sẽ đạt 33 tỷ USD vào năm 2025, tăng trưởng 25% mỗi năm, việc không cải thiện khả năng kiểm tra giao dịch liên kết trong lĩnh vực số có thể dẫn đến thất thu lớn từ các doanh nghiệp công nghệ đa quốc gia.

Việc giữ nguyên các quy định như hiện nay thì sẽ không đầy đủ cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện đối với các vấn đề liên quan đến quy định về nguyên tắc ấn định để cơ quan thuế có cơ sở thực hiện và công bằng trong thực hiện.

***c) Tác động về giới (nếu có*)**: Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

*Ưu điểm:*

Người nộp thuế và công chức thuế đã thành thạo các thủ tục hiện hành. Hệ thống văn bản hướng dẫn đã ổn định và kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh đã được tích lũy sâu rộng. Hệ thống phần mềm hỗ trợ đã ổn định sau nhiều năm vận hành.

Không phát sinh thủ tục hành chính mới, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế duy trì được tính quen thuộc, giảm bớt việc nghiên cứu theo quy định và quy trình mới.

*Nhược điểm:*

- Về mã số thuế và đăng ký thuế: Việc giữ nguyên quy định khó tạo điều kiện cho việc cải cách thủ tục hành chính trong điều kiện tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

- Về nộp thuế: Giữ nguyên quy định như hiện tại thì không thể thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với nội dung gia hạn nộp thuế.

- Về công tác kiểm tra: Thiếu các công cụ và quy trình hiện đại để xử lý các giao dịch liên kết phức tạp trong nền kinh tế số, làm tăng gánh nặng cho cả cơ quan thuế và doanh nghiệp. Ngoài ra, không đáp ứng được yêu cầu tự động hóa và minh bạch trong quản lý thuế theo xu hướng số hóa nền kinh tế thế giới.

#### 1.1.2. Giải pháp 2: Sửa đổi quy định hiện hành về chức năng quản lý thuế

Định hướng xây dựng Luật đảm bảo các quy định tại Luật chỉ mang tính nguyên tắc, ổn định, lâu dài; các nội dung chi tiết giao Chính phủ, Bộ Tài chính quy định để phù hợp với định hướng tăng cường phân cấp, phân quyền.

Xây dựng nguyên tắc về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục kê khai doanh thu, kê khai thuế và nộp thuế, phương pháp tính thuế GTGT, TNCN. Bộ Tài chính quy định chế độ kế toán áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Hoàn thiện cơ sở pháp lý về mã số thuế và đăng ký thuế theo hướng quy định mang tính nguyên tắc, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc mở rộng tích hợp mã số thuế với mã số do các cơ quan có thẩm quyền cấp nếu phù hợp với yêu cầu quản lý thuế, tăng cường liên thông thủ tục đăng ký thuế với cơ quan cấp giấy tờ pháp lý cho tổ chức, cá nhân nếu đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi thông tin với cơ quan thuế, đồng thời phân định rõ thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Tài chính quy định chi tiết để đảm bảo việc thi hành.

Hoàn thiện các nội dung về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế, gia hạn nộp thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, xử lý chậm nộp tiền thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, khoanh nợ, xóa nợ để phù hợp với thực tế quản lý.

Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế trong các trường hợp cụ thể. Bổ sung đối tượng áp dụng hoàn thành nghĩa vụ thuế trước xuất cảnh. Giao Chính phủ quy định về số tiền thuế nợ và thời gian nợ để thực hiện tạm hoãn xuất cảnh. Đối với trường hợp hoàn thành nghĩa vụ thuế khi thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý thuế thì được trừ trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo quy định của pháp luật.

Quy định nguyên tắc ấn định thuế, các trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế, giao thẩm quyền để Chính phủ quy định chi tiết về căn cứ ấn định thuế, phương pháp ấn định thuế, thẩm quyền, thủ tục ấn định thuế, trách nhiệm của người nộp thuế, người khai thuế, trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế và ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Đối với các quy định về kiểm tra thuế:

- Bổ sung các quy định mới để tăng cường hiệu lực hiệu quả của công tác kiểm tra thuế khi không còn chức năng thanh tra thuế bao gồm: kiểm tra lại, các biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế (thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế; tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế), tăng thời hạn kiểm tra thuế, tăng thời hạn kiểm tra đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết, bổ sung quy định về thời hạn kiểm tra thuê đối với trường hợp cần thu thập, trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm tra thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác kiểm tra thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế, ưu tiên kiểm tra trực truyến, từ xa, giảm kiểm tra trực tiếp tại trụ sở người nộp thuế. Theo đó, khuyến khích người nộp thuế kết nối, chia sẻ dữ liệu, tài liệu, sổ kế toán theo phương thức điện tử với cơ quan thuế; sửa đổi, bổ sung nguyên tắc kiểm tra thuế theo hướng ưu tiên kiểm tra trực truyến, từ xa trên cơ sở dữ liệu điện tử khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về kiểm tra thuế nhằm đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, nâng cao tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo thuận lợi trong hợp tác quốc tế trong kiểm tra thuế; bổ sung quy định về thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, nhiệm vụ và quyền hạn của trưởng đoàn kiểm tra; bổ sung quy định về tạm dừng, tạm hoãn trong kiểm tra thuế; bổ sung quy định về nguyên tắc tránh chồng chéo trong kiểm tra thuế; bổ sung nguyên tắc về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, kiểm tra thuế đối với người nộp thuế là nhà cung cấp nước ngoài không có trụ sở tại Việt Nam.

- Quy định Bộ Tài chính quy định chi tiết các nội dung về kiểm tra thuế.

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật***

*Ưu điểm*

Tăng tính thống nhất giữa Luật Quản lý thuế, Luật Căn cước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, và pháp luật về giao dịch điện tử. Tăng khả năng kết nối liên ngành, phục vụ quản lý thuế theo rủi ro, hỗ trợ chuyển đổi số quốc gia.

Đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; thống nhất với quy định tại Luật Thanh tra đang được sửa đổi, bổ sung, không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác; đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế, các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp thông lệ quốc tế, nhất là các chuẩn mực OECD và BEPS.

*Nhược điểm:*

Có thể gây khó khăn trong quá trình chuyển đổi pháp lý, đòi hỏi sửa đổi đồng bộ nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Cần thời gian để các cơ quan thực thi và người nộp thuế làm quen với thuật ngữ và quy trình mới.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội:***

*Ưu điểm:*

- Về mã số thuế và đăng ký thuế: Việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc triển khai các yêu cầu mới từ việc tăng cường tự động hóa, chuyển đổi số, mở rộng đối tượng giúp cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư.

Đối với cơ quan thuế: Giảm rủi ro trùng lặp thông tin, tăng khả năng kết nối cơ sở dữ liệu, phục vụ quản lý rủi ro và kiểm soát giao dịch, nâng cao khả năng cập nhật thông tin kịp thời, giảm thất thu và rủi ro từ các đối tượng không đăng ký hoặc thay đổi thông tin nhưng không báo.

Đối với người nộp thuế: Giảm thủ tục đăng ký mã số thuế riêng khi đã có định danh cá nhân hoặc mã số pháp nhân; minh bạch và dễ tra cứu nghĩa vụ thuế, giảm thủ tục do liên thông dữ liệu, rõ ràng về thời hạn và trách nhiệm khi thay đổi thông tin

- Về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế: Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong mọi hoạt động của nền kinh tế và đồng thời khắc phục những hạn chế của pháp luật hiện hành.

Đối với cơ quan thuế: Có cơ sở pháp lý rõ ràng để quản lý thuế với thương mại điện tử, thuế tối thiểu toàn cầu, và giao dịch xuyên biên giới.

Đối với người nộp thuế: Rõ ràng hơn về quyền và nghĩa vụ; được tạo điều kiện khi gặp lý do bất khả kháng; không phải kê khai thuế khi đã được tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ/nộp thay.

- Về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:

Tăng nguồn thu ngân sách: Bãi bỏ thuế khoán dẫn đến loại bỏ thất thu tại hộ có doanh thu lớn nhưng đóng thuế cố định thấp, đảm bảo công bằng giữa các hộ kinh doanh có doanh thu khác nhau và tránh tình trạng móc nối giữa cán bộ thuế và người nộp thuế.

Khuyến khích số hóa, chuyển đổi doanh nghiệp: Hộ kê khai rõ chi phí và doanh thu được xem như có sơ sở xác thực, tạo nền tảng chuyển đổi mô hình kinh doanh từ hộ lên doanh nghiệp.

Tăng tính tuân thủ: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự kê khai và xác định số thuế phải nộp.

Hiện đại hóa ngành thuế: Cơ quan thuế chuyển từ mô hình thu thuế chủ động sang hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.

- Về nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước:

Đối với cơ quan thuế: tăng hiệu quả quản lý, giảm sai sót về ghi nhận nghĩa vụ, xử lý nhanh các trường hợp phát sinh.

Đối với người nộp thuế: rõ ràng hơn về thời hạn, phương thức và quyền được gia hạn, giúp chủ động kế hoạch tài chính. Nộp thuế điện tử giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, in ấn giấy tờ cho người nộp thuế;

Đối với hệ thống ngân sách nhà nước: Quy trình nộp thuế minh bạch, tự động hóa giúp giảm thiểu thất thu, nợ đọng thuế, đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước.

Đối với xã hội: Khuyến khích giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển kinh tế số; Thủ tục nộp thuế đơn giản, thuận tiện sẽ cải thiện chỉ số môi trường kinh doanh của Việt Nam, thu hút đầu tư.

- Về xử lý số tiền thuế nộp thừa:

Đối với cơ quan thuế: Hạn chế tồn đọng số thuế nộp thừa kéo dài; giảm áp lực xử lý hoàn thuế không cần thiết.

Đối với người nộp thuế: Quy định minh bạch quyền lựa chọn bù trừ hoặc hoàn trả, giảm thời gian giải quyết; Đảm bảo người nộp thuế được bù trừ hoặc hoàn trả kịp thời các khoản nộp thừa, giảm gánh nặng tài chính và tăng tính công bằng.

Đối với ngân sách nhà nước: Đảm bảo dòng tiền ổn định, tránh thất thoát do hoàn trả không đúng đối tượng.

Đối với xã hội: Việc xử lý các khoản nộp thừa một cách rõ ràng, minh bạch góp phần tạo dựng niềm tin cho doanh nghiệp.

- Về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế:

Đối với cơ quan thuế: Tăng hiệu quả thu hồi nợ, giảm tình trạng dây dưa nghĩa vụ thuế.

Đối với người nộp thuế: Rõ ràng hơn các trường hợp nộp tiền chậm nộp, xác định mức tính tiền chậm nộp.

Đối với hệ thống tài chính công: Giảm rủi ro thất thu, đảm bảo dòng tiền ngân sách.

- Về hoàn thành nghĩa vụ thuế: việc mở rộng đối tượng áp dụng hoàn thành nghĩa vụ thuế đảm bảo thu đủ thuế và ngăn chặn tình trạng trốn tránh nghĩa vụ thuế thông qua việc xuất cảnh.

- Về hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế: Việc bổ sung các hình thức hoàn thuế tự động, xác định miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế theo phân loại rủi ro giúp tiết kiệm thời gian xử lý hồ sơ, tăng tính minh bạch và khách quan trong công tác hoàn thuế.

- Về khoanh tiền thuế nợ, xóa tiền thuế nợ: Các quy định mới hướng tới việc xử lý triệt để các khoản nợ thuế kéo dài, khó thu hồi như trong trường hợp người nộp thuế đã chết, mất tích, doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản.

- Về kiểm tra thuế: Giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp khi chỉ phải chuẩn bị cho việc kiểm tra thuế thay vì kiểm tra thuế và thanh tra thuế như trước đây. Dự kiến sẽ tiết kiệm được chi phí quản lý thuế cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc áp dụng công nghệ thông tin, ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên cơ sở dữ liệu điện tử trong kiểm tra thuế sẽ giúp phát hiện nhanh hơn các vi phạm, góp phần ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hóa đơn, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong kiểm tra thuế, đảm bảo thời gian cho người nộp thuế xử lý các công việc khác.

- Về biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế: Góp phần giảm thất thu ngân sách, nâng cao tính răn đe đối với hành vi trốn thuế. Nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan thuế. Hài hòa giữa quyền quản lý của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

- Về ấn định thuế: Việc quy định rõ các trường hợp ấn định thuế là phù hợp với pháp luật hiện hành, tạo sự công khai, minh bạch, tránh rủi ro cho cơ quan thuế.

Các quy định tại nhóm chính sách này hướng tới phân cấp, phân quyền, giao Chính phủ, Bộ Tài chính quy định chi tiết giúp cập nhật nhanh chính sách khuyến khích từng ngành, thúc đẩy tăng trưởng thuế trị theo GDP. Phân cấp thẩm quyền quyết định sẽ rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết thủ tục thuế. Với dự toán số thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 1.966.839 tỷ đồng theo Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, việc cải thiện môi trường thuế sẽ góp phần đạt được mục tiêu này.

*Nhược điểm:*

Những quy định liên quan đến tự động hóa đòi hỏi hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phải đủ mạnh và an toàn, đảm bảo không phát sinh rủi ro bảo mật dữ liệu và cần có phương án hỗ trợ người dân ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận công nghệ.

Các quy định về về nộp thuế, xử lý tiền chậm nộp tiền thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa có thể gây tác động tài chính cho các tổ chức trung gian thanh toán hoặc tổ chức khấu trừ/nộp thay nếu họ không đảm bảo được việc chuyển tiền đúng hạn.

Trong giai đoạn chuyển đổi (2025-2027), có thể xảy ra tình trạng giảm hiệu quả tạm thời do cán bộ thuế phải làm quen với quy trình mới.

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: tăng chi phí ban đầu do phải đầu tư phần mềm, máy tính tiền kết nối, phải thực hiện theo dõi, ghi chép sổ sách,… Ngoài ra, các tiểu thương tại chợ truyền thống chưa được hướng dẫn đầy đủ về hóa đơn điện tử và kê khai thuế sẽ gây lúng túng và khó khăn khi thực hiện theo quy định.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

- Thủ tục hành chính mới: không phát sinh

- Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi, bổ sung 07 nhóm thủ tục:

+ Nhóm thủ tục đăng ký thuế

+ Thủ tục/ nhóm thủ tục khai thuế

+ Nhóm Thủ tục khai bổ sung hồ sơ khai thuế

+ Thủ tục gia hạn nộp thuế

+ Thủ tục/ Nhóm thủ tục xử lý tiền chậm nộp

+ Thủ tục/nhóm thủ tục về hoàn thuế

+ Thủ tục /nhóm thủ tục về miễn thuế, giảm thuế

Cụ thể đánh giá các nhóm thủ tục tại Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính.

- Thủ tục hành chính bãi bỏ: 01 TTHC

Thủ tục *“Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế,Thông báo mã số thuế”* bãi bỏ do sửa đổi Luật Quản lý thuế theo hướng sử dụng bản điện tử, bản giấy hiện nay không còn cần thiết khi thực hiện trên môi trường điện tử do thông tin được lưu trữ và in từ dữ liệu điện tử mà vẫn đảm bảo giá trị pháp lý của mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp cho NNT, thông tin trên GCN ĐKT/TB MST cũng chỉ gồm các thông tin cơ bản (MST, Tên NNT, Quyết định thành lập, CQT quản lý trực tiếp). Giảm chi phí tuân thủ.

### 1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do:

Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc mở rộng triển khai tích hợp mã số thuế với mã số của các cơ quan có thẩm quyền cấp, mở rộng triển khai liên thông giữa cơ quan thuế và cơ quan nhà nước khác (ngoài cơ quan đăng ký kinh doanh) nếu đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi thông tin.

Thiết lập hệ thống quản lý số tích hợp, tập trung, liên thông toàn bộ quy trình nghiệp vụ từ đăng ký thuế đến kiểm tra thuế, ấn định thuế, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, giảm xử lý thủ công, rút ngắn thời gian thủ tục, nâng cao hiệu suất và minh bạch. Đồng bộ dữ liệu thuế, hóa đơn, chứng từ trên Cổng dịch vụ công quốc gia; ứng dụng công nghệ mới để tự động hóa quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ, cảnh báo rủi ro và phát hiện gian lận (để thực hiện Nghị quyết số 57)

Đơn giản, thuận tiện, cải cách thủ tục hành chính cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

Phục vụ mục tiêu đơn giản, thuận tiện, cải cách thủ tục hành chính cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

## 2. Chính sách 2. Hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

## 2.1. Đánh giá tác động

## 2.1.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định như hiện nay

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật***

Đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực thi pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời, tránh rủi ro thể chế nếu việc sửa đổi chưa được chuẩn bị kỹ về kỹ thuật lập pháp hoặc năng lực thực thi.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội***

Việc phân loại đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo nhóm ngành nghề hiện nay còn bất cập, chưa đồng bộ với tiêu chí quản lý rủi ro thuế. Một số ngành nghề được sử dụng hóa đơn không có mã nhưng tiềm ẩn rủi ro cao, trong khi doanh nghiệp nhỏ vẫn bị ràng buộc phải sử dụng hóa đơn có mã.

Quy định về sử dụng hóa đơn điện tử đối với cá nhân kinh doanh còn thiếu rõ ràng, chưa phù hợp với thực tiễn chuyển đổi từ hộ sang mô hình doanh nghiệp nhỏ.

Luật hiện hành chưa có quy định về biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn – đây là công cụ quan trọng để giám sát xã hội và nâng cao tính tuân thủ, nhưng đang bị bỏ ngỏ.

Đối với chứng từ điện tử, Luật 2019 có đề cập ở nhiều điều khoản khác nhau nhưng thiếu một điều luật riêng khái quát về khái niệm, nguyên tắc sử dụng, đối tượng áp dụng, dịch vụ cung cấp chứng từ điện tử và cơ chế phối hợp kết nối thông tin.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

Không phát sinh thủ tục hành chính mới, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế duy trì được tính quen thuộc, giảm bớt việc nghiên cứu theo quy định và quy trình mới.

**2.1.2. Giải pháp 2. Sửa đổi các quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử**

Về hóa đơn điện tử: Bổ sung thêm hình thức hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Đưa nội dung đối tượng sử dụng hóa đơn, dịch vụ về hóa đơn điện tử, nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử từ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP lên quy định tại Luật.

Giao Chính phủ quy định các nội dung: loại hóa đơn điện tử; đối tượng sử dụng; nội dung, thời điểm lập hóa đơn điện tử; trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử; trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

Giao Bộ Tài chính quy định các nội dung: đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; định dạng hóa đơn điện tử; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; xử lý hóa đơn điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu hóa đơn điện tử tham khảo; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm bằng 0,1% trên tổng số thu thuế giá trị gia tăng nội địa của năm trước liền kề.

Về chứng từ điển tử:

Bổ sung thêm quy định về nguyên tắc sử dụng chứng từ điện tử, dịch vụ về chứng từ điện tử tương tự như đối với hóa đơn điện tử và giao Chính phủ quy định chi tiết về: loại chứng từ điện tử; nội dung, thời điểm lập chứng từ điện tử; kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử; giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về: việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng chứng từ điện tử; xử lý chứng từ điện tử đã lập; ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ điện tử và mẫu chứng từ điện tử tham khảo.

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật***

Các quy định được sửa đổi, bổ sung không gây mâu thuẫn và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội***

Tăng cường tính rõ ràng, minh bạch trong việc phân loại và áp dụng hóa đơn/chứng từ điện tử; hạn chế gian lận thuế, góp phần nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế trong quản lý rủi ro, phân tích dữ liệu và thực hiện thanh tra, kiểm tra có trọng tâm; giảm chi phí hành chính, giấy tờ cho người nộp thuế và tổ chức thu thuế; hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái tài chính - thuế số trong toàn nền kinh tế, phù hợp với xu thế toàn cầu và định hướng của Chính phủ về chuyển đổi số quốc gia.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

- Thủ tục hành chính mới: không phát sinh

- Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi, bổ sung nhóm thủ tục về hóa đơn.

Cụ thể đánh giá tại Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính.

- Thủ tục hành chính bãi bỏ: không có.

**2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp**

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: Để hoàn thiện cơ sở pháp lý triển khai triệt để hóa đơn điện tử từ máy tính tiền kết nối trực tiếp với cơ quan thuế khi bán hang hóa, dịch vụ tới người tiêu dung; khuyến khích người mua lấy hóa đơn; yêu cầu người nộp thuế xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng kết nối, lưu trữ, bảo mật và truy xuất hóa đơn điện tử theo chuẩn và quy định pháp luật (để thực hiện Nghị quyết số 68).

## 3. Chính sách 3. Hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế

### 3.1. Đánh giá tác động

#### 3.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật***

*Ưu điểm:*

Duy trì được tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, qua đó tránh được các chi phí và thời gian cần cho việc sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều này giúp đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực thi pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời, tránh rủi ro thể chế nếu việc sửa đổi chưa được chuẩn bị kỹ về kỹ thuật lập pháp hoặc năng lực thực thi.

*Nhược điểm:*

Giữ nguyên các quy định hiện hành về hợp tác quốc tế về thuế và quản lý thuế quốc tế sẽ gây ra nhiều nhược điểm đáng kể trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Trước hết, quy định hiện tại chưa cập nhật các cam kết và chuẩn mực quốc tế mới như Thuế tối thiểu toàn cầu, cơ chế chia sẻ thông tin tự động hay quản lý thuế đối với nền kinh tế số và thương mại điện tử xuyên biên giới. Điều này dẫn đến nguy cơ Việt Nam bị xem là chưa tuân thủ đầy đủ thông lệ toàn cầu, ảnh hưởng đến uy tín và khả năng tham gia vào các cơ chế thuế quốc tế.

Bên cạnh đó, việc thiếu khung pháp lý chuyên biệt gây khó khăn trong thực thi MAP, APA và xử lý tranh chấp thuế với các doanh nghiệp FDI có giao dịch liên kết. Cơ quan thuế sẽ thiếu công cụ pháp lý mạnh để bảo vệ quyền đánh thuế của Việt Nam, dẫn đến thất thu ngân sách và tăng rủi ro chuyển giá.

Ngoài ra, việc giữ nguyên quy định hiện nay cũng làm chậm quá trình thể chế hóa các nội dung trong Nghị quyết 59/NQ-TW và Nghị quyết số 153/NQ-CP, làm suy giảm hiệu quả triển khai chính sách hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thuế.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội***

*Ưu điểm:*

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành giúp duy trì sự ổn định pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý và doanh nghiệp tiếp tục vận hành theo khuôn khổ quen thuộc, tránh phát sinh chi phí tuân thủ mới trong ngắn hạn. Đồng thời, giải pháp này giúp giảm áp lực cải cách khi nguồn lực kỹ thuật, nhân sự và công nghệ của ngành thuế còn hạn chế. Trong bối cảnh chuyển đổi thể chế phức tạp, giữ nguyên quy định cũng góp phần hạn chế rủi ro trong triển khai nếu hệ thống pháp luật chưa được chuẩn bị đầy đủ và đồng bộ.

*Nhược điểm:*

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành sẽ khiến hệ thống pháp luật tụt hậu so với chuẩn mực quốc tế về thuế, đặc biệt trong bối cảnh triển khai thuế tối thiểu toàn cầu và quản lý thuế với nền kinh tế số. Điều này làm gia tăng rủi ro thất thu ngân sách, hạn chế khả năng kiểm soát chuyển giá và giảm hiệu quả thực thi các Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế và các cam kết quốc tế. Đồng thời, việc chậm sửa đổi cũng làm suy giảm tính hấp dẫn môi trường đầu tư, gây bất bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, ảnh hưởng đến công bằng thuế và hiệu quả quản lý tài chính công.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

*Ưu điểm*:

Không phát sinh thủ tục hành chính mới, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế duy trì được tính quen thuộc, giảm bớt việc nghiên cứu theo quy định và quy trình mới.

Với cơ quan thuế còn hạn chế về nguồn lực, đây là lựa chọn có tính khả thi cao trong ngắn hạn.

*Nhược điểm:*

Việc không sửa đổi quy định hiện hành khiến thủ tục hành chính hiện hành không đáp ứng được yêu cầu xử lý các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như MAP, APA hay thuế tối thiểu toàn cầu. Thiếu cơ chế pháp lý rõ ràng dẫn đến lúng túng trong thực hiện, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và tăng rủi ro pháp lý cho cả cơ quan thuế lẫn người nộp thuế. Ngoài ra, việc không cập nhật quy định về quản lý thuế quốc tế theo thông lệ quốc tế làm giảm khả năng phối hợp hiệu quả với cơ quan thuế nước ngoài, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả quản lý và minh bạch thủ tục thuế.

#### 3.1.2. Giải pháp 2. Sửa đổi các quy định về hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế

Luật hóa các nội dung: Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; tham gia các cam kết quốc tế tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế. Thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Thực hiện các cam kết quốc tế, nghĩa vụ thành viên khi tham gia diễn đàn, tổ chức quốc tế về thuế.

Bổ sung 03 nguyên tắc hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế nền tảng: tôn trọng chủ quyền, bình đẳng – cùng có lợi; tuân thủ điều ước quốc tế; bảo mật thông tin và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế.

Quy định rõ nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế trong quản lý thuế quốc tế như: Đàm phán, ký và thực hiện các cam kết quốc tế về thuế để thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, thực hiện các cam kết quốc tế về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Quy định rõ ràng thẩm quyền: (1) Chính phủ ban hành quy định về khai thác, trao đổi thông tin về người nộp thuế và hợp tác nghiệp vụ về thuế với các Cơ quan thuế nước ngoài theo các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về thuế và Diễn đàn thuế quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết phục vụ công tác quản lý thuế, hợp tác và hỗ trợ hành chính thuế khác với Cơ quan thuế nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết; (2) Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung đàm phán, ký và thực hiện các cam kết quốc tế về thuế để thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, bao gồm: Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA).

Bổ sung quy định một điều trong Luật về nguyên tắc thực hiện MAP, APA giúp: Luật hóa thủ tục MAP – phù hợp với cam kết trong Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đã ký và có hiệu lực; Chi tiết hóa điều kiện áp dụng APA – phù hợp với thực tiễn và thông lệ OECD và UN; Gỡ bỏ các nút thắt hành chính, giảm thời gian, chi phí tuân thủ của người nộp thuế. Bổ sung nội dung chi tiết về cách áp dụng MAP, APA theo chuẩn quốc tế phản ánh yêu cầu gia tăng thực tiễn xử lý tranh chấp thuế xuyên biên giới và tăng tính ổn định cho doanh nghiệp FDI có giao dịch liên kết.

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật***

*Ưu điểm:*

Giúp đáp ứng các cam kết quốc tế như thuế tối thiểu toàn cầu, chống xói mòn cơ sở thuế (BEPS), tăng cường minh bạch và hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Giúp hệ thống pháp luật về thuế tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, đồng thời khắc phục khoảng trống pháp lý trong các cơ chế mới như thuế tối thiểu toàn cầu, APA, MAP, và trao đổi thông tin thuế quốc tế. Việc bổ sung nguyên tắc và phân định thẩm quyền rõ ràng tăng tính minh bạch, hiệu lực và hiệu quả trong thi hành pháp luật. Giải pháp này cũng giúp tạo nền tảng pháp lý đồng bộ giữa luật trong nước và cam kết quốc tế, hỗ trợ thực hiện tốt các mục tiêu tại Nghị quyết số 59-NQ/TW và Nghị quyết số 153/NQ-CP.

*Nhược điểm:*

Việc sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung phức tạp đòi hỏi phải ban hành đồng bộ các văn bản dưới luật, cập nhật hệ thống biểu mẫu, quy trình và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, phát sinh chi phí lớn cho công tác xây dựng, đào tạo cán bộ, cũng như tuyên truyền phổ biến pháp luật mới. Nếu thiếu hướng dẫn kịp thời, có thể gây lúng túng trong triển khai tại các Cơ quan quản lý thuế. Ngoài ra, một số nội dung mang tính kỹ thuật cao như MAP, APA, hay cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu có thể vượt quá năng lực thực hiện hiện tại của cơ quan thuế và doanh nghiệp, dẫn đến phát sinh chi phí tuân thủ, kéo dài thời gian xử lý và tăng áp lực cải cách thể chế.

Ngoài ra, việc không sửa đổi quy định hiện hành dẫn đến khó khăn do thiếu các căn cứ pháp lý đầy đủ khi xử lý các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như MAP, APA hay thuế tối thiểu toàn cầu.

***b) Tác động về kinh tế - xã hội***

*Ưu điểm:*

Nâng cao hiệu quả quản lý thuế và chống thất thu ngân sách: Việc bổ sung đầy đủ các quy định về hợp tác quốc tế và quản lý thuế quốc tế giúp cơ quan thuế có công cụ pháp lý mạnh để quản lý hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là giao dịch liên kết và chuyển giá. Triển khai cơ chế APA, MAP và thuế tối thiểu toàn cầu góp phần giảm thiểu tranh chấp, xác định nghĩa vụ thuế rõ ràng và công bằng hơn. Qua đó, tăng tính minh bạch, giảm thất thu ngân sách và nâng cao hiệu quả thu thuế trong nền kinh tế hội nhập sâu rộng.

Thúc đẩy hội nhập quốc tế và cải thiện môi trường đầu tư: Việc luật hóa các nguyên tắc hợp tác thuế quốc tế và quy định cụ thể về nghĩa vụ thành viên giúp Việt Nam tiệm cận thông lệ quốc tế, tăng độ tin cậy trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ, đồng thời thể hiện cam kết rõ ràng của Việt Nam trong thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch sẽ góp phần cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao uy tín quốc gia trong các diễn đàn thuế toàn cầu.

*Nhược điểm:*

Việc áp dụng các quy định mới chủ yếu tác động đến Cơ quan thuế, yêu cầu cơ quan thuế nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng công nghệ hiện đại và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đáp ứng chuẩn mực quốc tế, đặc biệt trong quản lý thuế đối với giao dịch xuyên biên giới và thuế tối thiểu toàn cầu. Đây là thách thức lớn trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế. Nếu không có lộ trình triển khai rõ ràng và sự đầu tư tương xứng, có thể xảy ra tình trạng quá tải, xử lý chậm hồ sơ phức tạp hoặc không tận dụng được lợi ích từ các cơ chế hợp tác quốc tế, làm giảm hiệu quả chính sách.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

*Ưu điểm:*

Không phát sinh thủ tục hành chính mới, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế duy trì được tính quen thuộc, giảm bớt việc nghiên cứu theo quy định và quy trình mới.

Việc luật hóa các nội dung hợp tác quốc tế về thuế và quản lý thuế quốc tế giúp xây dựng quy trình thủ tục hành chính rõ ràng, thống nhất và minh bạch hơn, đặc biệt đối với cơ chế MAP, APA và trao đổi thông tin với nước ngoài. Điều này góp phần giảm thiểu tranh chấp, tăng tính dự báo và hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, việc phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp quản lý góp phần giảm chồng chéo, tiết kiệm thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả phối hợp trong thực hiện các nghĩa vụ thuế quốc tế.

*Nhược điểm:*

Việc bổ sung nhiều nội dung mới không làm thay đổi thủ tục hành chính hiện hành, nhưng việc luật hóa các cơ chế mới như MAP, APA, thuế tối thiểu toàn cầu đòi hỏi cơ quan thuế phải hoàn thiện các quy trình kỹ thuật chuyên sâu, xây dựng hướng dẫn chi tiết và đào tạo cán bộ chuyên trách, hoàn thiện các quy trình kỹ thuật chuyên biệt như MAP, APA, và cơ chế áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nếu thiếu sự chuẩn bị đồng bộ và kịp thời, có thể dẫn đến chậm trễ trong xử lý các hồ sơ thuế quốc tế phức tạp, ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp với đối tác nước ngoài.

### 3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2. Lý do:

*- Phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế:* Giải pháp 2 cụ thể hóa các cam kết thuế quốc tế mà Việt Nam đã tham gia như BEPS, thuế tối thiểu toàn cầu, MAP và APA. Điều này thể hiện trách nhiệm và chủ động hội nhập của Việt Nam, giúp nâng cao uy tín quốc gia trong các diễn đàn quốc tế, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 59-NQ/TW.

*- Nâng cao hiệu quả quản lý thuế và chống thất thu:* Việc bổ sung nội dung chi tiết về hợp tác thuế quốc tế và quản lý thuế quốc tế giúp cơ quan thuế có cơ sở pháp lý rõ ràng để kiểm soát giao dịch liên kết, chống chuyển giá, giảm thất thu ngân sách. Các cơ chế như APA, MAP góp phần xử lý tranh chấp hiệu quả và bảo vệ quyền đánh thuế chính đáng của Việt Nam.

*- Cải thiện môi trường đầu tư và đảm bảo công bằng thuế:* Quy định minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế giúp doanh nghiệp yên tâm đầu tư, đồng thời tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Điều này góp phần thu hút đầu tư chất lượng cao và khuyến khích tuân thủ tự nguyện trong thực hiện nghĩa vụ thuế quốc tế.

*- Bảo đảm tính đồng bộ và minh bạch trong hệ thống pháp luật:* Giải pháp 2 bổ sung nguyên tắc, phân định rõ thẩm quyền và hoàn thiện quy trình pháp lý về hợp tác thuế quốc tế, giúp hệ thống pháp luật rõ ràng, nhất quán, dễ thực thi. Qua đó giảm chồng chéo, tăng hiệu quả phối hợp trong nội bộ ngành thuế và giữa các cơ quan nhà nước.

## 4. Chính sách 4. Quản lý rủi ro và tuân thủ

## 4.1. Đánh giá tác động

#### 4.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Ưu điểm*:

Duy trì tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành. Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức có liên quan (các đơn vị hành nghề luật, đại lý thuế,…) không phải cập nhật và thích ứng với các quy định mới. Điều này giúp hạn chế được các chi phí và sự gián đoạn tạm thời liên quan đến quá trình chuyển đổi lập pháp.

*Nhược điểm:*

Tính linh hoạt của hệ thống chính sách thuế chưa cao, chưa dự báo đúng, đầy đủ, chưa theo kịp sự vận động của nền kinh tế và quá hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam. Tạo ra khoảng trống pháp lý trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển, nhiều phương thức kinh doanh mới hình thành (như hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới), các hành vi lợi dụng chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và giao dịch liên kết để trốn thuế ngày càng tinh vi, phức tạp, gây ra các tranh chấp, khiếu kiện không đáng có.

Các điểm nghẽn, bất cập hiện hành không được giải quyết, gây khó khăn trong công tác quản lý thuế của các cơ quan nhà nước và sự tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

##### b) Tác động về kinh tế- xã hội

*Ưu điểm:*

Trong ngắn hạn, nhà nước sẽ không phải chi ngân sách cho việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo lại đội ngũ cán bộ và triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới người dân, doanh nghiệp.

Giữ nguyên quy định pháp luật hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp do các doanh nghiệp không phải tốn chi phí để thay đổi hệ thống công nghệ, quy trình và đào tạo lại nhân sự để thích ứng với quy định mới, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp có nguồn lực hạn chế.

*Nhược điểm:*

Trong bối cảnh số lượng người nộp thuế gia tăng nhanh chóng, sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới, thực trang gian lận và trốn thuế diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp, quy định về quản lý rủi ro và tuân thủ trong quản lý thuế chưa rõ ràng, cụ thể khiến nguồn lực của cơ quan thuế bị phân tán, giảm hiệu quả quản lý, gây thất thu ngân sách nhà nước, đặc biệt đối với hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới, doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Các mô hình kinh doanh mới hoạt động thiếu chế tài giám sát gây ra sự bất bình đẳng trong cạnh tranh thương mại, làm giảm niềm tin của doanh nghiệp vào hệ thống pháp luật, hạn chế đầu tư phát triển.

So với các quốc gia trong khu vực đang liên tục cải cách, một hệ thống thuế lạc hậu, không hiệu quả, môi trường đầu tư kinh doanh bất công bằng sẽ làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư quốc tế, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia.

Dù không phát sinh chi phí mới, nhưng các chi phí ngầm do sự thiếu rõ ràng của quy định, thủ tục hành chính rườm rà, và thời gian giải quyết tranh chấp kéo dài sẽ tiếp tục là gánh nặng vô hình làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

##### c) Tác động về giới (nếu có):

Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới.

#### 4.1.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện chính sách về quản lý rủi ro và tuân thủ

- Bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ trong quản lý thuế để chuyển đổi mô hình quản lý thuế từ kiểm soát thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu và đánh giá rủi ro.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý rủi ro trong đó quy định việc áp dụng quản lý rủi ro trong nhiều hoạt động nghiệp vụ thuế như đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, kiểm tra thuế, và quản lý hóa đơn, chứng từ, áp dụng quản lý rủi ro để quyết định kiểm tra thuế với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan hải quan. Quản lý rủi ro bao gồm các hoạt động như thu thập, xử lý thông tin thuế, xây dựng tiêu chí và đánh giá việc tuân thủ pháp luật, phân loại mức độ rủi ro, hỗ trợ người nộp thuế để nâng cao năng lực tuân thủ và thực hiện các biện pháp quản lý thuế phù hợp. Cơ quan quản lý thuế sẽ sử dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ để tự động tích hợp và xử lý dữ liệu

Bộ Tài chính quy định các tiêu chí đánh giá, phân loại rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro.

- Bổ sung quy định về quản lý tuân thủ, gồm: xây dựng hệ thống đánh giá và phân loại mức độ tuân thủ của người nộp thuế, duy trì hồ sơ tuân thủ điện tử; kết hợp các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ với các biện pháp kiểm tra, giám sát dựa trên kết quả phân tích mức độ tuân thủ và mức độ rủi ro; bên cạnh đó quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với người nộp thuế tuân thủ tốt, có kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử như sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ.

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Ưu điểm:*

Bổ sung quy định quản lý rủi ro và tuân thủ trong quản lý thuế trên cơ sở ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tự động hóa đã cụ thể hóa định hướng đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; định hướng phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Nghị quyết số 68-NQ/TW. Đồng thời, quy định này thể hiện rõ phương châm "lấy người nộp thuế là trung tâm phục vụ" và hướng tới một hệ thống quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ và hiện đại.

Chính sách giúp tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý thuế để áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp theo mức độ tuân thủ/ mức độ rủi ro, là nền tảng để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, khắc phục những hạn chế và khoảng trống pháp lý còn tồn tại.

Quy định về quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ được luật hóa giúp điều chỉnh căn bản phương pháp quản lý, thay đổi mối quan hệ giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế từ “quản lý – kiểm soát” sang “hỗ trợ - đồng hành”.

Việc quy định quản lý thuế trên nguyên tắc quản lý rủi ro và tuân thủ đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc bên ký kết, là cơ hội để nền pháp luật Việt Nam nội luật hóa các thông lệ và chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị thuế, nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

*Nhược điểm:*

Tạo ra nhiều thay đổi lớn, có thể sẽ gây ra khó khăn trong thời gian đầu cho cơ quan quản lý thuế trong việc cập nhật những kiến thức, chuyên môn, quy trình nghiệp vụ mới và cho người dân, doanh nghiệp trong việc tuân thủ quy định pháp luật có nhiều thay đổi.

Nếu không có quy định rõ ràng, có thể sẽ gây ra mâu thuẫn và chồng chéo khi áp dụng đồng thời hai khái niệm “quản lý rủi ro” và “quản lý tuân thủ”.

***b) Tác động về kinh tế- xã hội***

*Ưu điểm:*

Áp dụng quản lý rủi ro và tuân thủ trong quản lý thuế giúp phân bổ, sử dụng nguồn lực có hạn của cơ quan quản lý thuế một cách hiệu quả: khi cơ quan quản lý thuế tập trung kiểm tra, giám sát nhóm đối tượng rủi ro cao, giảm tần suất và mức độ can thiệp với nhóm đối tượng tuân thủ tốt. Thông qua thu thập, phân tích dữ liệu, chấm điểm rủi ro và đánh giá mức độ tuân thủ, cơ quan quản lý thuế có thể dự báo, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gian lận trốn thuế, vi phạm pháp luật về thuế, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu ngân sách nhà nước.

Ứng dụng hệ thống phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong quản lý rủi ro và tuân thủ, đồng thời tăng cường kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và các ngành khác giúp nâng cao độ chính xác của đánh giá là cơ sở để đẩy mạnh chuyển đổi số, tiến tới tự động hóa hoàn toàn quy trình quản lý của cơ quan quản lý thuế.

Các tiêu chí đánh giá tuân thủ, phân loại rủi ro người nộp thuế được quy định rõ ràng giúp hạn chế yếu tố cảm tính, chủ quan trong việc lựa chọn biện pháp quản lý của cơ quan quản lý thuế, đảm bảo áp dụng nhất quán và không phân biệt đối xử, từ đó bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế. Mặt khác, các tiêu chí nêu trên được công khai giúp người nộp thuế chủ động hơn trong việc tuân thủ pháp luật, tự kiểm tra và chủ động điều chỉnh hành vi để giảm thiểu nguy cơ vi phạm pháp luật, cắt giảm thời gian và chi phí tuân thủ.

Quy định giúp tạo môi trường đầu tư kinh doanh công bằng, minh bạch, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong nước và thu hút nguồn vốn đầu tư chất lượng cao từ nước ngoài, nâng cao vị thế của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

*Nhược điểm:*

Nhà nước cần đầu tư một khoản ngân sách lớn để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp, tập trung, có khả năng phân tích tự động theo thời gian thực và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cần thiết cho các cán bộ.

Do phụ thuộc vào công nghệ nên tiềm ẩn nguy cơ sai sót nếu hệ thống tự động đánh giá mức độ rủi ro chưa chính xác, có thể gây ra những tác động tiêu cực khi xếp nhầm một ngành hoặc một nhóm doanh nghiệp vào diện rủi ro cao/ rủi ro thấp.

Các doanh nghiệp cần điều chỉnh quy trình và đào tạo lại nguồn nhân lực để thích ứng với quy định pháp luật mới.

##### c) Tác động về giới (nếu có)

Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***

Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới.

### 4.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn giải pháp 2.

Lý do: Bổ sung quy định về quản lý rủi ro và tuân thủ trong quản lý thuế là một cải cách chiến lược, giúp cụ thể hóa định hướng của của Đảng, Nhà nước tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, là cơ hội để Việt Nam nội luật hóa các thông lệ quốc tế tốt về quản lý thuế. Quy định này giúp thay đổi căn bản mối quan hệ giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế từ “quản lý – kiểm soát” sang “hỗ trợ - đồng hành”, tạo nền tảng pháp lý vững chắc để tối ưu hóa nguồn lực của cơ quan quản lý thuế, hướng tới hệ thống quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ và hiện đại trên cơ sở ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin. Bằng việc minh bạch hóa, số hóa và tự động hóa các quy trình kiểm tra, công khai tiêu chí đánh giá tuân thủ, phân loại rủi ro người nộp thuế, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, đồng thời khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ pháp luật.

## 5. Chính sách 5. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của các bên liên quan trong quản lý thuế

### 5.1. Đánh giá tác động

#### 5.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Ưu điểm:* Việc giữ nguyên các quy định hiện hành giúp đảm bảo tính ổn định và nhất quán của hệ thống pháp luật, các cơ quan quản lý và người nộp thuế không phải cập nhật, nghiên cứu, hay thích ứng với các quy định mới. Điều này giúp tránh được các chi phí và sự gián đoạn tạm thời liên quan đến quá trình chuyển đổi lập pháp.

*Nhược điểm:* Quy định hiện hành không bắt kịp với sự phát triển của thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh sự bùng nổ của kinh tế số, thương mại điện tử xuyên biên giới, các mô hình kinh doanh mới.

Các bất cập và khoảng trống pháp lý không được xử lý, gây ra tranh chấp và khó khăn trong thực thi.

##### b) Tác động về kinh tế- xã hội

*Ưu điểm:* Tạo môi trường kinh doanh ổn định khi các doanh nghiệp không phải tốn chi phí để cập nhật kiến thức pháp luật, đào tạo nhân sự hay điều chỉnh hệ thống quản trị, giúp tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, kinh doanh, đổi mới sáng tạo.

*Nhược điểm:*

Nguy cơ gây thất thu ngân sách nhà nước khi nghĩa vụ, nhiệm vụ của cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, … chưa được quy định rõ ràng.

Gây bất bình đẳng trong đầu tư kinh doanh khi các doanh nghiệp truyền thống phải tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thuế trong khi các đối tượng trong nền kinh tế số có thể lợi dụng “khoảng trống pháp lý” để gian lận, trốn thuế.

Các hành vi kinh tế mới không được luật hóa gây ra khó khăn trong công tác trong quản lý thuế và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới

#### 5.1.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện chính sách về quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của các bên liên quan trong quản lý thuế

- Hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế đảm bảo phù hợp yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, cụ thể:

+ Về quyền của người nộp thuế: bổ sung các quyền mới như quyền tra cứu, sử dụng chứng từ điện tử, quyền được ưu tiên giải quyết thủ tục nếu tuân thủ tốt, quyền tra soát, điều chỉnh thông tin khi có sai lệch.

+ Về nghĩa vụ của người nộp thuế: bổ sung nghĩa vụ kê khai, lưu trữ hồ sơ giao dịch liên kết (kể cả đối với bên liên kết ở nước ngoài); nghĩa vụ kê khai nguồn thu từ tài trợ đối với doanh nghiệp xã hội; nghĩa vụ bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để giao dịch điện tử với cơ quan thuế; và nghĩa vụ nộp trước số thuế bị ấn định dù có khiếu nại.

- Sửa đổi quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, cụ thể:

+ Bổ sung quy định về quản thuế đối với các khoản phí, lệ phí không do cơ quan quản lý thuế trực tiếp thu.

+ Bổ sung quy định đối với các khoản thu thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, tổ chức khác (trừ phí, lệ phí không do cơ quan quản lý thuế trực tiếp thu), các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thông tin xác định nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước cho cơ quan quản lý thuế để tổ chức thu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật; thực hiện chức năng kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với thông tin nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước của khoản thu ngân sách nhà nước được giao quản lý.

+ Bổ sung một số nhiệm vụ của cơ quan thuế để phù hợp với mô hình quản lý thuế theo hướng hiện đại, tự động như: xác nhận hoàn thành giao dịch điện tử trong trường hợp người nộp thuế hoàn thành giao dịch theo phương thức điện tử; cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế qua tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; bảo đảm an toàn dữ liệu, kết nối liên thông với hệ thống của các cơ quan nhà nước có liên quan.

+ Bổ sung quyền thu thập, sử dụng và yêu cầu cung cấp thông tin.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra giám sát trong quản lý thuế, cụ thể:

+ Quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan liên quan trong việc chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện nhiệm vụ.

+ Bổ sung nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

+ Bổ sung quy định: Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có trách nhiệm lập biên xác định hành vi vi phạm, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với quyết định của Kiểm toán nhà nước thì người nộp thuế có quyền kiến nghị hoặc khởi kiện.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác trong quản lý thuế như:

**+** Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trực tuyến.

+ Các tổ chức, cá nhân khác: (1) Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic, các tổ chức thẻ quốc tế, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ xử lý giao dịch điện tử hoặc các dịch vụ thanh toán trực tuyến khác. (2) Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập. (3) Bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế. (4) Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Ưu điểm*

Quy định về quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của các bên liên quan trong quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung đã thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất giữa Luật Quản lý thuế với quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Luật Căn cước, Luật Hải quan, ... và các quy định pháp luật có liên quan khác, tăng cường sự phối hợp liên ngành trong quản lý thuế; phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý thuế.

Các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế được sửa đổi nhằm đảm bảo yêu cầu xây dựng Luật quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, không quy định chi tiết nhiệm vụ của các Bộ, ngành tại Luật.

Giúp hệ thống pháp luật của Việt Nam tiệm cận hơn với các tiêu chuẩn quốc tế của OECD, phù hợp với các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc bên tham gia ký kết.

Đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

*Nhược điểm*

Tạo ra khó khăn cho người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật mới trong thời gian đầu thực hiện.

Đặt ra những thách thức và rủi ro trong việc bảo mật và sử dụng thông tin, dữ liệu của người nộp thuế.

##### b) Tác động về kinh tế- xã hội

*Ưu điểm:*

Các quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế; nhiệm vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuế, các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế và của tổ chức, cá nhân khác trong quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung giúp đẩy mạnh việc chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, tăng cường minh bạch và phòng ngừa các hành vi trốn tránh nghĩa vụ thuế trong bối cảnh mới.

Trách nhiệm thực hiện chuyển đổi số, chia sẻ thông tin của các bộ, ngành, cơ quan liên quan và cơ chế phối hợp liên ngành được quy định chặt chẽ, rõ ràng giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế, đảm bảo hoạt động quản lý thuế được thực hiện hiệu quả, nhanh chóng.

Việc kiểm soát thương mại điện tử được giao cho các cơ quan chuyên ngành giúp đảm bảo quản lý hiệu quả các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

Quy định về trách nhiệm của kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra về lập biên bản xác định hành vi vi phạm, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế được bổ sung giúp đảm bảo tính liên tục, nhất quán về chủ thể thực hiện trong quá trình phát hiện và xử lý hành vi vi phạm. Đồng thời, hạn chế việc chuyển hồ sơ, kiến nghị giữa cơ quan kiểm toán, thanh tra nhà nước cho cơ quan thuế như hiện nay dẫn tới việc xử phạt vi phạm hành chính không kịp thời hoặc cơ quan thuế phải lập lại biên bản vi phạm hành chính đối với người nộp thuế, làm tăng thời gian người nộp thuế phải trao đổi thông tin, phục vụ việc thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trách nhiệm cung cấp thông tin của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trực tuyến, tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic, các tổ chức thẻ quốc tế, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ xử lý giao dịch điện tử hoặc các dịch vụ thanh toán trực tuyến khác cho các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam được luật hóa đóng vai trò quan trọng để thực hiện quản lý thuế hiệu quả đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử xuyên biên giới vốn rất khó kiểm soát theo cách truyền thống.

*Nhược điểm:*

Trong ngắn hạn, nhà nước sẽ phải chi trả một khoản ngân sách đáng kể để đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ, đào tạo lại cán bộ và tuyên truyền, phổ biến quy định mới đến người dân, doanh nghiệp.

Thời gian đầu áp dụng, chi phí tuân thủ của các doanh nghiệp có thể tăng do phải làm quen với quy định mới, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, quy trình vận hành và đào tạo lại cán bộ.

Việc thu thập và sử dụng lượng lớn dữ liệu của người nộp thuế tiềm ẩn rủi ro về an ninh mạng và bảo mật thông tin.

##### c) Tác động về giới (nếu có)

Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới.

### 5.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn giải pháp 2.

Lý do: Việc sửa đổi, bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quản lý thuế phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, giúp tạo lập hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Qua đó, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường sự phối hợp liên ngành trong quản lý thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động kinh tế số, thương mại điện tử và mô hình kinh tế mới.

## 6. Chính sách 6. Khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp

#### 6.1. Đánh giá tác động

**6.1.1. Giải pháp 1:** **Giữ nguyên các quy định như hiện nay**

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

*Ưu điểm:*

Duy trì được tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, qua đó tránh được các chi phí và thời gian cần cho việc sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều này giúp đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực thi pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ các quy định hiện hành.

*Nhược điểm:*

Quy định hiện hành chưa cụ thể, minh bạch về cơ chế giải quyết tranh chấp thuế có yếu tố nước ngoài; phạm vi đối tượng bị kiện còn hẹp, chưa bao quát cơ quan nhà nước ngoài cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền xử phạt, dẫn tới khó khăn trong thực tiễn áp dụng và khả năng phát sinh tranh chấp.

***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

*Ưu điểm:*

Ổn định môi trường pháp lý, giảm chi phí đào tạo, thay đổi thủ tục. Không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Nhược điểm:*

Giải pháp giải quyết chưa triệt để vướng mắc, bất cập phát sinh trên thực tế đối với các đối tượng liên quan.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới.

**6.1.2. Giải pháp 2: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung quy định về khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp**

- Kế thừa quy định tại Điều 147 Luật QLT năm 2019 quy định khiếu nại, tố cáo. Bổ sung quy định về người khiếu nại được biết trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trên Cổng thông tin điện tử ngành Thuế theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung 1 khoản mới quy định trường hợp tranh chấp về thuế có yếu tố nước ngoài giữa người nộp thuế là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc Việt Nam với cơ quan thuế Việt Nam, liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài có thể được giải quyết thông qua: (i) Trình tự, thủ tục khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại; (ii) Trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; (iii) Cơ chế giải quyết tranh chấp được quy định tại Điều ước quốc tế về thuế; Hợp đồng, Thỏa thuận và bảo lãnh cam kết của Chính phủ và Điều ước quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên hoặc Bên ký kết (nếu có).

- Sửa đổi cụm từ “công chức quản lý thuế” thành “người có thẩm quyền của cơ quan quản lý thuế” và bổ sung “cơ quan nhà nước” để mở rộng phạm vi đối tượng bị kiện, phù hợp với thẩm quyền xử phạt của cơ quan thanh tra, kiểm tra ngoài cơ quan quản lý thuế.

- Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế tại dự thảo Luật được kế thừa quy định tại Điều 149 Luật Quản lý thuế năm 2019.

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

*Ưu điểm:*

Việc sửa đổi quy định sẽ tạo ra sự minh bạch, đồng bộ và nhất quán cho hệ thống pháp luật, thiết lập một hành lang pháp lý tương đối hoàn chỉnh, giúp các cơ quan thuế và người nộp thuế có cơ sở rõ ràng để thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến khiếu nại, tố cáo và khởi kiện. Việc mở rộng phạm vi đối tượng bị kiện, phù hợp với thẩm quyền xử phạt của cơ quan thanh tra, kiểm tra ngoài cơ quan quản lý thuế và góp phần bảo đảm tính đầy đủ, toàn diện trong quá trình xử lý tranh chấp.

Đối với việc bổ sung quy định về giải quyết tranh chấp thuế có yếu tố nước ngoài thì mục tiêu là quy định mang tính nguyên tắc, rõ ràng, minh bạch về phương thức giải quyết tranh chấp thuế có yếu tố nước ngoài, góp phần xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, lành mạnh và hiệu quả.

Những quy định trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế, góp phần xây dựng nền tảng pháp lý minh bạch và vững chắc sẽ củng cố niềm tin, giảm thiểu tranh chấp và tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý thuế.

*Nhược điểm:*

Cần thời gian để các cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân thích nghi với quy định mới; cần hướng dẫn, đào tạo để thực thi đúng quy trình mới.

***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

*Ưu điểm:*

Cải thiện hiệu quả giải quyết các tranh chấp và khiếu nại về thuế; tăng cường niềm tin của người nộp thuế vào cơ quan thuế.

Tăng cường an toàn pháp lý, minh bạch cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài khi thực hiện nghĩa vụ thuế tại Việt Nam và góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp và thúc đẩy môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch.

Tạo động lực nâng cao năng lực quản lý của cơ quan thuế, hỗ trợ thực hiện mục tiêu cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thuế theo định hướng hội nhập quốc tế.

*Nhược điểm:*

Quá trình chuyển đổi có thể phát sinh chi phí đào tạo, cập nhật thủ tục cho các bên liên quan.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

***d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):*** Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới

#### 6.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do:

## Giải pháp này góp phần nâng cao sự minh bạch, đồng bộ và nhất quán của hệ thống pháp luật, xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ và rõ ràng. Bên cạnh đó, giải pháp còn khắc phục những vướng mắc trong thực tiễn quản lý thuế, bổ sung quy định về giải quyết tranh chấp về thuế thông qua các chế định độc lập trong nước và quốc tế kể cả cơ chế trọng tài đối với tranh chấp về thuế có yếu tố nước ngoài mang tính nguyên tắc, rõ rang, minh bạch, công bằng và tuân thủ các cam kết thuế quốc tế, góp phần vào việc tăng cường niềm tin của nhà đầu tư quốc tế và đảm bảo môi trường đầu tư ổn định tại Việt Nam.

## 7. Chính sách 7. Xử lý vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

### 7.1. Đánh giá tác động

**7.1.1. Giải pháp 1:** **Giữ nguyên các quy định như hiện nay**

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

*Ưu điểm*:

Việc duy trì các quy định hiện hành sẽ góp phần đảm bảo sự ổn định về mặt pháp lý, tránh phát sinh chi phí và thời gian cho việc xây dựng, ban hành các quy định mới trong giai đoạn chuyển tiếp.

*Nhược điểm:*

Các quy định hiện hành chưa theo kịp tốc độ phát triển của kinh tế số, thương mại điện tử và hội nhập quốc tế, có thể dẫn đến lỗ hổng pháp lý, giảm hiệu quả quản lý và xử lý hành vi vi phạm mới. Sự thiếu cập nhật này khiến việc phát hiện, ngăn chặn trốn thuế trở nên khó khăn hơn; đồng thời, quy trình phối hợp giữa các cơ quan còn chồng chéo, thiếu linh hoạt, gây lúng túng trong thực thi.

***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

*Ưu điểm:*

Việc duy trì luật hiện hành giúp ổn định môi trường pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân chủ động xây dựng kế hoạch tuân thủ chính sách thuế, yên tâm đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Không làm phát sinh thêm chi phí đào tạo cho doanh nghiệp, cá nhân do sự thay đổi liên tục của pháp luật.

*Nhược điểm:*

Hiện nay việc áp dụng các biện pháp kê biên tài sản rất khó thực hiện trong khi đây là biện pháp thu hồi nợ trực tiếp. Theo đó sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của việc thu hồi nợ thuế, ảnh hưởng đến thu NSNN.

Kê biên tài sản vốn là một trong những công cụ cưỡng chế trực tiếp và hiệu quả nhằm buộc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế, biện pháp thu hồi nợ trực tiếp này khó triển khai, dẫn đến cơ quan thuế có thể sẽ gặp khó khăn trong việc xử lý dứt điểm các khoản nợ. Theo đó, tình trạng nợ thuế kéo dài, làm giảm hiệu quả công tác quản lý thu và ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

Các biện pháp xử phạt và cưỡng chế thuế hiện hành có thể tạo ra những thách thức về tài chính, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh, việc làm và phát triển xã hội. Đồng thời, quy trình phối hợp giữa các cơ quan quản lý chưa hoàn toàn linh hoạt và đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý vi phạm và việc áp dụng pháp luật. Từ đó, có thể làm suy giảm niềm tin vào hệ thống quản lý thuế, dẫn đến mất cân bằng môi trường đầu tư kinh doanh và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế bền vững.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới

**7.1.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

* Đối với xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý thuế:

+ Gộp nhiều điều luật liên quan đến nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, hình thức, mức phạt và miễn phạt thành một điều, theo hướng luật chỉ quy định những vấn đề khung để thống nhất và thuận tiện hơn.

+ Bãi bỏ quy định không xử phạt vi phạm hành chính riêng về sử dụng hóa đơn dẫn đến thiếu thuế mà xử phạt chung trong quản lý thuế để tăng tính nghiêm minh.

+ Bãi bỏ khoản 5 Điều 136 Luật QLT năm 2019 quy định về trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính do đã được quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi năm 2020).

+ Bổ sung nội dung giao quyền cho Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với chứng từ điện tử trong quản lý thuế.

+ Gộp các hành vi vi phạm về thủ tục khai thuế và khai sai dẫn đến thiếu thuế hoặc tăng tiền hoàn, miễn, giảm thuế thành một điều. Khái quát các hành vi vi phạm về thủ tục thuế; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu. Riêng hành vi trốn thuế được quy định chi tiết để làm căn cứ pháp lý xây dựng các hành vi của tội trốn thuế trong Bộ Luật hình sự.

+ Bãi bỏ quy định về không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn và hướng dẫn lại về các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn theo hướng khái quát và giao Chính phủ quy định chi tiết các trường hợp này nhằm bám sát thực tiễn, những vấn đề có thể biến động theo tình hình thực tế hoặc theo quy định của pháp luật khác thì giao Chính phủ quy định để bảo đảm linh hoạt trong điều hành.

+ Sửa quy định về phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu, không chịu thuế đối với trường hợp người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung quá thời hạn theo quy định của pháp luật.

+ Gộp các quy định xử lý vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan thành một điều và bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết Điều này để quy định cụ thể về mức xử phạt và đảm bảo cơ sở pháp lý khi thực hiện.

+ Bổ sung quy định Kiểm toán nhà nước, Thanh tra nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp và hành vi trốn thuế để đồng bộ với quy định tại Điều 20 dự thảo Luật.

+ Sửa đổi thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế để đồng bộ với quy định về các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan theo cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính mới.

+ Bổ sung nguyên tắc về ngưỡng tiền thuế nợ để thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và giao cho Chính phủ quy định chi tiết để cơ quan thuế không bắt buộc phải thực hiện cưỡng chế đối với NNT có số nợ thuế nhỏ, giảm bớt khối lượng công việc cho cơ quan thuế.

+ Bổ sung các trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế như: người nộp thuế có tiền thuế nợ nhưng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; trường hợp người nộp thuế không chấp hành quyết định kiểm tra khi các đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra tại trụ sở NNT.

+ Bỏ quy định không áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong thời gian khoanh nợ để phù hợp với thực tế.

+ Bổ sung thêm một biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế là nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

+ Sửa lại quy định về việc chấm dứt hiện lực của biện pháp cưỡng chế theo hướng để áp dụng chung đối với các biện pháp cưỡng chế, theo đó không phải quy định lặp đi lặp lại nội dung này ở từng biện pháp, đồng thời bổ sung thêm trường hợp chấm dứt hiệu lực QĐCC theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền vì thực tế tồn tại trường hợp có phán quyết của Tòa án yêu cầu dừng hiệu lực của QĐCC.

+ Sửa đổi quy định về biện pháp trích tiền từ tài khoản: Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản.

+ Bổ sung một khoản quy định về việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Luật này thực hiện theo quy định của Luật Phá sản để phù hợp với nội dung đã bổ sung tại Điều này nêu trên.

+ Về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Bổ sung thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố hoặc UBND cấp xã theo ủy quyền của UBND cấp tỉnh trong việc ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đầu giá tài sản.

***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:***

*Ưu điểm:*

Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được quy định rõ ràng, đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế và Luật xử lý vi phạm hành chính tạo sự nhất quán, minh bạch trong pháp luật. Bên cạnh đó, làm căn cứ pháp lý xây dựng các hành vi của tội trốn thuế trong Bộ Luật hình sự. Điều này góp phần xây dựng khung pháp lý vững chắc, minh bạch, linh hoạt, hiệu quả và dễ dự báo, làm nền tảng cho sự phát triển ổn định của môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế.

Xác định rõ thẩm quyền, quy trình, mức xử phạt cũng như các hình thức cưỡng chế giúp tăng cường tính minh bạch, tránh nhầm lẫn và lạm dụng trong thi hành pháp luật; đồng thời mở rộng phạm vi hành vi bị xử phạt, bao quát các trường hợp gian lận hoặc chậm trễ nghĩa vụ thuế, hoàn thiện khung pháp lý quản lý thuế.

Việc bổ sung thẩm quyền cưỡng chế thuế cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh/UBND cấp xã nhằm tăng cường phân cấp cho chính quyền địa phương đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền mà UBND các cấp có đủ điều kiện để thực hiện. Từ đó, có thể tăng cường đáng kể hiệu quả thu hồi nợ, giúp rút ngắn quy trình và tối ưu hóa nguồn thu ngân sách nhà nước. Định hướng này cũng góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế trong xã hội, tạo môi trường kinh doanh công bằng hơn. Đồng thời, nó gắn kết trách nhiệm và thúc đẩy năng lực quản lý hành chính của chính quyền địa phương trong công tác thu thuế.

*Nhược điểm:*

Việc sửa đổi trên sẽ tạo ra nhiều thay đổi lớn, có thể sẽ gây ra bỡ ngỡ trong thời gian đầu cho cơ quan thuế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan trong việc học hỏi, tiếp thu những kiến thức, chuyên môn, quy trình nghiệp vụ mới và cho người dân, doanh nghiệp trong việc cập nhật và tuân thủ quy định pháp luật mới.

***b) Tác động về kinh tế, xã hội:***

*Ưu điểm:*

Thực tế hiện nay việc áp dụng các biện pháp kê biên tài sản rất khó thực hiện trong khi đây là biện pháp thu hồi nợ trực tiếp. Trong khi đó theo quy định của Luật phá sản, cơ quan thuế đại diện cho nhà nước với tư cách là chủ nơ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, khi đó việc kê biên tài sản để xử lý các khoản nợ của NNT, trong đó có nợ thuế sẽ do cơ quan chuyên trách là cơ quan thi hành án thực hiện, theo đó đảm bảo hiệu quả của việc thu hồi nợ thuế cao hơn so với việc cơ quan quản lý thuế tự thực hiện.

Việc tăng cường các chính sách xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế hiệu quả sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao nguồn thu ngân sách nhà nước. Những biện pháp răn đe mạnh mẽ đối với hành vi vi phạm, đặc biệt là trốn thuế hay khai sai, sẽ thúc đẩy người nộp thuế tuân thủ tốt hơn các quy định pháp luật về thuế, từ đó đảm bảo nguồn thu ổn định phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh công bằng, được xây dựng trên nền tảng pháp luật nghiêm minh, sẽ nâng cao ý thức chấp hành thuế của các tổ chức, cá nhân, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp làm ăn chân chính phát triển bền vững. Điều này không chỉ giúp củng cố lòng tin xã hội vào tính công bằng và khách quan của hệ thống pháp luật mà còn thu hút thêm nguồn lực đầu tư, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế.

Ngoài ra, việc thực thi các quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế một cách nhất quán, rõ ràng và minh bạch sẽ nâng cao hiệu lực quản lý thuế, giúp các cơ quan thuế và lực lượng chức năng triển khai đồng bộ các biện pháp xử phạt và cưỡng chế. Qua đó, không chỉ tăng hiệu quả thu ngân sách mà còn góp phần xây dựng môi trường kinh doanh ổn định và đáng tin cậy cho doanh nghiệp và người dân.

*Nhược điểm:*

Mức phạt và biện pháp cưỡng chế có thể gây áp lực tài chính, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ và vừa, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, việc làm và ổn định xã hội trong ngắn hạn.

***c) Tác động về giới (nếu có):*** Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới

### 7.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do:

Giải pháp sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý vi phạm hành chính trong quản lý thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế tạo ra sự đồng bộ, minh bạch và nhất quán giữa Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Phá sản. Điều này giúp khắc phục các bất cập, mâu thuẫn trong quy định hiện hành, nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước thông qua việc xử phạt nghiêm minh và răn đe các vi phạm về thuế.

Việc rõ ràng về thẩm quyền xử phạt và biện pháp cưỡng chế đồng bộ giữa các cơ quan liên quan, như cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra Nhà nước, tạo điều kiện áp dụng nhất quán và hiệu quả các quy định. Đồng thời, giải pháp còn thúc đẩy người nộp thuế tuân thủ pháp luật, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và phát triển bền vững. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp tăng cường nguồn thu ngân sách, giảm thiểu tranh chấp và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ổn định.

## 8. Chính sách 8. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế

### 8.1. Đánh giá tác động

#### 8.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

*Ưu điểm:*

Duy trì được tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, qua đó tránh được các chi phí và thời gian cần cho việc sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều này giúp đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực thi pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ các quy định hiện hành.

*Nhược điểm:*

Tạo ra mâu thuẫn với chủ trương chuyển đổi số toàn diện trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 57-NQ/TW khi các Bộ, ngành đã và đang triển khai chuyển đổi số nhưng Luật Quản lý thuế chưa đáp ứng yêu cầu này.

Quy định hiện hành về hệ thống thông tin người nộp thuế còn phân mảnh, chưa phản ánh đầy đủ vai trò và nguyên tắc vận hành của toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý thuế, là nền tảng cốt lõi trong chuyển đổi số ngành thuế.

Không phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành sau tổ chức lại bộ máy nhà nước theo mô hình mới.

Thiếu tính thống nhất với Luật An ninh mạng, Luật Phòng chống rửa tiền, quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, và các quy định về khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

##### b) Tác động về kinh tế - xã hội:

*Ưu điểm:*

Không phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho việc nâng cấp hệ thống công nghệ và đào tạo cán bộ.

*Nhược điểm:*

Trong bối cảnh kinh tế số dự kiến đạt 30% GDP vào năm 2030, việc không hiện đại hóa hệ thống quản lý thuế sẽ ảnh hưởng đến số thu ngân sách. Với mục tiêu đến năm 2030 phải đạt 2 triệu doanh nghiệp theo Nghị quyết 68, hệ thống quản lý truyền thống không đủ khả năng xử lý khối lượng dữ liệu lớn và phức tạp của nền kinh tế số dẫn đến giảm hiệu quả quản lý.

Chi phí tuân thủ cao do phụ thuộc vào thủ tục giấy tờ sẽ làm giảm năng suất lao động trong lĩnh vực dịch vụ thuế, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh. Việc không khai thác được dữ liệu lớn, ứng dụng Big Data, AI và hệ thống tự động khiến việc phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận thuế trở nên khó khăn, ảnh hưởng đến công bằng thuế và nguồn thu ngân sách nhà nước.

Sự thiếu minh bạch và hiệu quả trong quản lý thuế điện tử có thể làm giảm sức hấp dẫn đầu tư của doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn FDI trong giai đoạn 2025-2030.

##### c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới

## 8.1.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế

- Kế thừa quy định hiện đại hóa công tác quản lý thuế tại Điều 11 Luật Quản lý thuế năm 2019, đồng thời bổ sung nguyên tắc chuyển đổi số trong quản lý thuế, trong đó: Giao dịch điện tử là phương thức chủ yếu giữa người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế; Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý, đặc biệt là các văn bản, thông báo, quyết định hành chính thuế được ban hành tự động và ký số bởi cơ quan quản lý thuế; Không yêu cầu người nộp thuế xuất trình chứng từ bằng giấy trong trường hợp dữ liệu đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước; Phân bổ ngân sách nhà nước cụ thể (tối đa 0,5% dự toán thu ngân sách nhà nước được Quốc hội giao hằng năm) để đảm bảo nguồn lực tài chính cho công tác chuyển đổi số.

- Kế thừa quy định tại Điều 8, Điều 95, Điều 96 Luật QLT năm 2019 và bổ sung quy định về hệ thống thông tin người nộp thuế nhằm thiết lập một hệ thống CNTT thống nhất, hiện đại, tích hợp, kết nối liên ngành. Hệ thống này có khả năng kết nối và đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành và cả các cơ sở dữ liệu thương mại. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng các công nghệ hiện đại như Trí tuệ nhân tạo (AI), định danh điện tử, và Dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích rủi ro, kiểm tra thuế và việc ra quyết định hành chính tự động; và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo các luật chuyên ngành như Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Công nghiệp công nghệ số.

- Kế thừa và bổ sung quy định về bảo mật thông tin người nộp thuế và quản lý rủi ro công nghệ, trong đó: Thiết lập cơ chế quản lý rủi ro công nghệ trong toàn bộ quá trình quản lý thuế; Quy định rõ ràng về cơ chế xử lý sự cố kỹ thuật của hệ thống; Đặc biệt, bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế bằng cách không xử phạt vi phạm hành chính và không tính tiền chậm nộp tiền thuế trong thời gian xảy ra sự cố do lỗi hệ thống thông tin quản lý thuế; Và giao Chính phủ quy định chi tiết các vấn đề này.

##### a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

*Ưu điểm:*

Giải pháp này bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật và phù hợp với định hướng chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử đến năm 2030. Quy định tạo hành lang pháp lý rõ ràng, vững chắc cho việc áp dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình quản lý thuế, từ giao dịch điện tử đến ra quyết định hành chính tự động. Đồng thời, giải pháp mở đường cho việc ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), định danh điện tử trong phân tích rủi ro, kiểm tra thuế và bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm tuân thủ các luật chuyên ngành như Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật Công nghiệp công nghệ số. Sự đồng bộ với các luật liên quan tạo điều kiện triển khai hiệu quả cơ chế một cửa liên thông, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đồng thời phù hợp với cơ cấu bộ máy mới, bảo đảm hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong bối cảnh chuyển đổi số và tự động hóa ngày càng sâu rộng.

Đặc biệt, việc quy định rõ ràng về tỷ lệ ngân sách nhà nước tối đa 0,5% dự toán thu ngân sách hàng năm cho chuyển đổi số tạo cơ sở vững chắc về nguồn lực tài chính cho việc triển khai. Việc cho phép cơ quan quản lý thuế ban hành các văn bản, thông báo, quyết định hành chính thuế tự động có giá trị pháp lý như văn bản giấy sẽ đơn giản hóa quy trình và tăng tốc độ xử lý. Chính sách không xử phạt vi phạm hành chính và không tính tiền chậm nộp trong trường hợp sự cố kỹ thuật của hệ thống quản lý thuế bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, tạo sự tin tưởng hơn khi giao dịch điện tử.

*Nhược điểm:*

Việc sửa đổi, bổ sung Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành đòi hỏi thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, tham vấn rộng rãi và chi phí lớn cho công tác xây dựng, đào tạo cán bộ, cũng như tuyên truyền phổ biến pháp luật mới.

Luật mới với nhiều quy định về công nghệ số, tự động hóa và xử lý dữ liệu lớn đặt ra yêu cầu cao về năng lực kỹ thuật, trình độ chuyên môn của cán bộ thuế và các bên liên quan, đồng thời cần có cơ chế giám sát, bảo đảm an toàn thông tin và quyền riêng tư phù hợp. Bên cạnh đó có thể phát sinh các vấn đề về trách nhiệm pháp lý, bảo mật

##### b) Tác động về kinh tế - xã hội:

*Ưu điểm:*

Các nội dung tại dự thảo Luật nhằm thiết lập một hệ thống CNTT thống nhất, hiện đại, tích hợp, có khả năng vận hành liên tục, phân tích dữ liệu lớn theo thời gian thực và kết nối hiệu quả với các cơ sở dữ liệu trong và ngoài ngành, đặc biệt là yêu cầu cấp thiết để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số ngành thuế trong bối cảnh quản lý thuế hiện đại ngày càng dựa trên phương pháp quản lý rủi ro và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Cơ quan thuế được xác định rõ trách nhiệm xây dựng, vận hành hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời có căn cứ pháp lý cho thu thập, chia sẻ, bảo vệ dữ liệu người nộp thuế (bao gồm dữ liệu điện tử, Big Data), đảm bảo kết nối liên ngành (Công an, Tư pháp, Nông nghiệp và môi trường, Ngân hàng nhà nước…). Quy định cũng tạo điều kiện ứng dụng công nghệ hiện đại như AI, định danh điện tử trong phân tích rủi ro, kiểm tra thuế và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo các luật chuyên ngành như Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Công nghiệp công nghệ số.

Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế thông qua trao đổi dữ liệu bằng hình thức điện tử. Quy định này nhằm làm rõ trách nhiệm các bộ, ngành, cơ quan liên quan trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan thuế thông qua hình thức điện tử.

Dự kiến tăng nguồn thu ngân sách mỗi năm thông qua việc giảm thất thu và mở rộng cơ sở thuế. Với việc áp dụng AI và Big Data, khả năng phát hiện gian lận thuế sẽ hiệu quả hơn, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyển giá, giao dịch liên kết….

Giúp doanh nghiệp tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện với các dịch vụ thuế điện tử, giảm thủ tục hành chính, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia và thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy phát triển kinh tế số và môi trường kinh doanh minh bạch.

Ứng dụng blockchain trong quản lý hóa đơn điện tử sẽ giảm các trường hợp gian lận hóa đơn, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng. Việc triển khai cổng dịch vụ thuế điện tử thống nhất sẽ phục vụ hơn 1,2 triệu doanh nghiệp và 30 triệu cá nhân nộp thuế, nâng cao trải nghiệm người dùng và giảm chi phí tuân thủ.

Nhà nước đang định hướng sửa đổi chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để áp dụng các phương pháp quản lý thuế hiện đại, đồng thời thúc đẩy thực hiện giao dịch điện tử và quản lý thuế điện tử. Việc này nhằm đẩy mạnh phát triển các dịch vụ thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác, từ đó từng bước hạn chế các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt của người nộp thuế. So với thanh toán bằng thẻ hoặc chuyển khoản, việc thanh toán bằng tiền mặt cũng làm giảm tính minh bạch và khó kiểm soát giao dịch, tạo điều kiện cho gian lận và trốn thuế, gây khó khăn cho công tác quản lý thuế và tài chính công. Ngoài ra, tiền mặt không hỗ trợ các giao dịch trực tuyến, hạn chế sự phát triển của thương mại điện tử và kinh tế số, đồng thời làm chậm quá trình tài chính toàn diện. Việc chuyển đổi sang thanh toán điện tử, kết hợp với hệ thống thuế điện tử hiện đại, không chỉ giúp đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý thuế mà còn góp phần thúc đẩy minh bạch, an toàn và tiết kiệm chi phí cho xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình.

Nội dung bổ sung các quy định mới về bảo đảm an toàn thông tin và quản lý rủi ro công nghệ nhằm cụ thể hóa quy định tại Điều 17 và Điều 26 Luật An ninh mạng năm 2018, Điều 26 Nghị định số 85/2022/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin. Đồng thời, tiệm cận thông lệ quốc tế tốt từ các quốc gia như Israel, Singapore, Hoa Kỳ, nơi đã triển khai các quy định chặt chẽ về bảo mật và quy trình quản trị rủi ro công nghệ thông tin trong lĩnh vực thuế và tài chính công. Theo đó, việc thiết lập cơ chế quản lý rủi ro công nghệ thông tin trong toàn bộ chu trình quản lý thuế là cần thiết, bao gồm nhận diện, đánh giá, kiểm soát và ứng phó sự cố; bảo đảm an toàn, liên tục và hiệu quả vận hành hệ thống.

*Nhược điểm:*

Cần đầu tư lớn về đào tạo, thay đổi tư duy và kỹ năng cho cán bộ thuế, đồng thời phải quản lý sự chuyển đổi trong tổ chức, tránh gián đoạn hoạt động.

Việc áp dụng công nghệ mới có thể gây khó khăn cho một số nhóm doanh nghiệp nhỏ, cá nhân chưa sẵn sàng hoặc thiếu điều kiện tiếp cận công nghệ, dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ thuế.

##### c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp của chính sách đưa ra là trung tính và không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được thông qua, ban hành.

##### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính mới.

### 8.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do:

Việc duy trì các quy định hiện hành (Giải pháp 1) có thể dẫn đến sự không đồng bộ với chủ trương chuyển đổi số quốc gia, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm chậm tiến trình phát triển và ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước trong bối cảnh kinh tế số ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. Trong khi đó, Giải pháp 2 mang lại cơ sở pháp lý vững chắc hơn, giúp đồng bộ Luật Quản lý thuế với các luật liên quan và các cam kết quốc tế. Điều này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư.

Về mặt kinh tế - xã hội, Giải pháp 2 đem lại nhiều lợi ích khi ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI và Big Data, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng phát hiện gian lận và giảm thất thu thuế, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như thương mại điện tử. Đồng thời, việc tự động hóa các quy trình như hoàn thuế và triển khai cổng dịch vụ thuế điện tử thống nhất sẽ giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ và tiết kiệm thời gian cho các doanh nghiệp cùng các cá nhân, từ đó góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và hiện đại.

Mặc dù giải pháp này đòi hỏi đầu tư ban đầu và có những thách thức trong giai đoạn chuyển tiếp, nhưng các lợi ích lâu dài về kinh tế, xã hội và hiệu quả quản lý nhà nước mà nó mang lại là rất đáng kể, tạo nền tảng vững chắc cho một hệ thống quản lý thuế tiên tiến, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn tới.

# III. KẾT LUẬN

Những nội dung sửa đổi tại Luật Quản lý Thuế nhằm mục đích thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách hệ thống quản lý thuế, đáp ứng những yêu cầu thực tiễn, phát sinh vướng mắc bất cập trong quá trình quản lý thuế hiện hành, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đáp ứng với các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo phù hợp xu hướng phát triển công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào hoạt động quản lý thuế, giúp giảm các thủ tục hành chính, giảm đầu mối quản lý đối với cơ quan thuế cũng như người nộp thuế.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý Thuế (sửa đổi)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);  - Bộ Tư pháp;  - Bộ trưởng (để b/c);  - Vụ PC - BTC;  - Lưu: VT, CT(VT, CS) (2b). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Cao Anh Tuấn** |